TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2018
V/v tranh chấp: Ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Vĩnh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc
2. Bà Đinh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 215/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Số 1, thôn T, xã H, huyện Đ, Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Phạm Vĩnh D, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Số 1, thôn T, xã H, huyện Đ, Lâm Đồng

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/5/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Phạm Vĩnh D kết hôn năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ ngày 10/01/1988.

Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Phạm Vĩnh D không có sự quan tâm chăm sóc, không có trách nhiệm đối với gia đình; ông D không chung thủy và có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D không thay đổi. Bà cũng có lỗi khi quá tập trung vào công việc làm ăn kinh tế, không chu toàn việc chăm lo cho gia đình. Nay bà Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Vĩnh D.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Phạm Vĩnh QL, sinh ngày 14/02/1988; Phạm Vĩnh QH, sinh ngày 04/5/1991 và Phạm Thục QQ, sinh ngày 14/9/1997. Hiện nay, các con chung của ông bà đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Vĩnh D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Ông Phạm Vĩnh D không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Phạm Vĩnh D vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông D và thông báo kết quả phiên họp cho ông D được biết. Do ông D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn đối với ông Phạm Vĩnh D,

xử cho ông bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Vĩnh D; bà T không yêu cầu giải quyết về con chung do các con chung trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Phạm Vĩnh D theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Vĩnh D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án, không thuộc trường hợp bất khả kháng nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Phạm Vĩnh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Vĩnh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2008, nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do bị đơn không có trách nhiệm đối với gia đình, không chung thủy và do lỗi của nguyên đơn quá tập trung vào công việc làm ăn kinh tế, không chu toàn chăm lo cho gia đình dẫn đến cuộc sống chung không có sự hòa hợp, giữa vợ chồng không còn sự tôn trọng, tin tưởng nhau. Xét thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Vĩnh D mâu thuẫn trầm trọng; giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc; mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Phạm Vĩnh D.

[3] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Phạm Vĩnh QL, sinh ngày 14/02/1988; Phạm Vĩnh QH, sinh ngày 04/5/1991 và Phạm Thục QQ, sinh ngày 14/9/1997 hiện nay đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Vĩnh D.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/0005800 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hạnh